

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/DS-ST

Ngày 20 – 5 – 2025

V/v tranh chấp HĐMB tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Việt S, sinh năm 1977; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Huỳnh Chí C, sinh năm 1997; Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1997; ông Huỳnh Ngọc S1, sinh năm 1963 và bà Võ Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Tân Quảng A, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Việt S (nguyên đơn) trình bày:

Vào ngày 12/4/2021, anh Huỳnh Chí C có mua một loa kéo Bobos Q7 và còn nợ anh số tiền 7.200.000 đồng, việc nợ vợ chồng anh C, chị T có ký giấy nhận nợ. Sau đó, vợ chồng anh C có trả được cho anh 03 lần với tổng số tiền là 1.700.000 đồng, cụ thể: Ngày 08/4/2022, trả được 500.000 đồng; Ngày 15/4/2022, trả được 500.000 đồng và ngày 02/5/2022, trả được 700.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 20/3/2023, bà Võ Thị H cùng ông Huỳnh Ngọc S1 là cha mẹ ruột của anh C có điểm chỉ vào biên nhận thừa nhận số tiền anh C còn nợ là 5.500.000 đồng và hứa trả số tiền nợ trên nhưng đến nay vẫn không thanh toán cho anh. Nay tại phiên

tòa, anh yêu cầu ông S1, bà H, anh C và chị T cùng có trách nhiệm liên đới trả một lần hết số tiền còn nợ 5.500.000 đồng cùng lãi suất chậm trả tính từ ngày 02/5/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, anh S không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với anh Huỳnh Chí C, chị Nguyễn Thị Kiều T, ông Huỳnh Ngọc S1 và bà Võ Thị H (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng anh C, chị T, ông S1 và bà H không đến Tòa cũng không gửi văn bản đề nghị kiến nghị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt S (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền mua loa kéo Bobos Q7. Tuy việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng mua bán nhưng thực tế bị đơn đã nhận tài sản, trả một phần tiền khi mua tài sản cho nguyên đơn và cùng ký tên vào biên nhận ngày 12/4/2021 còn nợ nguyên đơn số tiền 7.200.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh.

[3] Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả được số tiền 1.700.000 đồng và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm năm nghìn đồng) là có căn cứ nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy tại biên nhận viết ngày 12/4/2021 thể hiện việc bị đơn cam kết trả số tiền nợ vào ngày 12/5/2021 nhưng đến ngày 08/4/2022, bị đơn trả được 500.000 đồng; Ngày 15/4/2022, trả được 500.000 đồng và ngày 02/5/2022, trả được 700.000 đồng. Việc bị đơn trả nợ không đúng như cam kết tại biên nhận nêu trên. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng chấp nhận việc trả tiền này nên thời gian bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày 02/5/2022 là phù hợp. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả từ ngày 02/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/5/2025) là 03 năm 18 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, cụ thể số tiền lãi của nguyên đơn được tính như sau: $(03 \text{ năm } 18 \text{ ngày} \times 5.500.000 \text{ đồng}) \times 10\%/\text{năm} = 1.677.500 \text{ đồng}$.

[5] Với nhận định tại mục [3] và [4], tổng số tiền vốn và lãi nguyên đơn được chấp nhận là 7.177.500 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[6] Về trách nhiệm thanh toán nợ, tuy nguyên đơn có yêu cầu ông Huỳnh Ngọc S1, bà Võ Thị H là cha mẹ ruột của anh Huỳnh Chí C trả nợ nhưng Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận mua bán, ký giấy nhận nợ chỉ nguyên đơn với anh C thỏa thuận, ký nhận với nhau, ông S1 cùng bà H không có thỏa thuận, không nhận tài sản mua của nguyên đơn. Mặc dù, nguyên đơn cho rằng ngày 20/3/2023, ông S1 cùng bà H đã điểm chỉ, lẫn tay số tiền anh C còn nợ là 5.500.000 đồng nhưng trong nội dung biên nhận không có thỏa thuận nào khác về việc ông S1, bà H trả thay số tiền nợ trên cho anh C nên không đủ cơ sở để buộc ông S1, bà H cùng liên đới trả số tiền nợ trên. Do anh C và chị T là vợ chồng, khoản nợ này xảy ra trong thời kỳ hôn nhân nên buộc chị T cùng anh C trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[7] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, anh C cùng chị T phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt S.

Buộc anh Huỳnh Chí C, chị Nguyễn Thị Kiều T trả cho anh Nguyễn Việt S các khoản với tổng số tiền là 7.177.500 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Việt S có đơn yêu cầu thi hành án, anh Huỳnh Chí C, chị Nguyễn Thị Kiều T không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

anh Huỳnh Chí C, chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu số tiền 359.000 đồng (ba trăm năm mươi chín nghìn đồng, chưa nộp).

Anh Nguyễn Việt S không phải chịu. Ngày 04/3/2025, anh S đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003879 được trả lại toàn bộ cho anh S.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**